

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
Dự án: Đường trục Khu kinh tế nổi dài (Giai đoạn 1)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 18/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường trục Khu kinh tế nổi dài (Giai đoạn I),

Căn cứ Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Đường trục Khu kinh tế nổi dài (Giai đoạn I),

Căn cứ Quyết định số 1923/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư, Công trình: Đường trục Khu kinh tế nổi dài (giai đoạn 1);

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 993/SGTVT-GT ngày 27/7/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Đường trục Khu kinh tế nổi dài (giai đoạn 1), với các nội dung chính như sau:

1. Nội dung điều chỉnh: Nhằm nâng cao năng lực thông hành, đảm bảo an toàn giao thông, tăng mỹ quan cho tuyến đường, phù hợp với quy hoạch đường trục khu kinh tế Nhơn Hội đã xây dựng, đồng thời để sớm đưa công trình vào sử dụng, phát huy tối đa hiệu quả của dự án, điều chỉnh xây dựng mở rộng nền đường từ Bn = 10,75m thành Bn = 20,5m.

2. Phạm vi dự án điều chỉnh

- Điểm đầu Km0: Nối tiếp đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội hiện tại (nay là QL19B), thuộc thôn Phú Hậu, xã Cát Tiến;
- Điểm cuối Km4+00: giáp đường bê tông nông thôn thuộc thôn Chánh Định, xã Cát Chánh, huyện Phù Cát (*ranh giới mở rộng của khu kinh tế Nhơn Hội*).

3. Quy mô xây dựng điều chỉnh

Tuyến đường thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (TCVN 4054-2005), với các thông số kỹ thuật như sau:

- Chiều dài xây dựng: $L = 4,0\text{Km}$.
- Vận tốc thiết kế $V = 80\text{Km/h}$.
- Mặt đường: BTN cấp cao A1, mô đun yêu cầu $E_{yc} \geq 160\text{Mpa}$.
- Quy mô mặt cắt ngang phân đường:
 - + Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 20,5\text{m}$;
 - + Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 4 \times 3,5\text{m} = 14,0\text{m}$;
 - + Bề rộng dải an toàn: $B_{\text{at}} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$;
 - + Bề rộng dải phân cách giữa: $B_{\text{dpc}} = 4,5\text{m}$;
 - + Bề rộng lề đất: $B_{\text{lề đất}} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$.
- Quy mô mặt cắt ngang phân cầu: gồm 02 đơn nguyên cầu, mỗi đơn nguyên có bề rộng $B_{\text{cầu}} = 0,5 + 7,5\text{m} + 0,5\text{m} = 8,5\text{m}$; hai đơn nguyên cách nhau 3,5m. Tổng chiều rộng cầu $B_{\text{cầu}} = 8,5 + 3,5 + 8,5 = 20,5\text{m}$.

4. Phương án xây dựng điều chỉnh

a. Hướng tuyến: Giữ nguyên hướng tuyến theo dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh.

b. Nền, mặt đường

- Nền đường: nền đường đắp đất cấp phối đòi đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; Lớp nền thượng giáp đáy móng kết cấu áo đường dày 50cm đắp đất chọn lọc đảm bảo độ chặt $K \geq 0,98$.

- Nền đường đất yếu: Các đoạn nền đắp trên đất yếu xử lý bằng các giải pháp đào thay đất và bắc thấm.

- Mặt đường: Mặt đường làm mới, mở rộng gồm các lớp như sau:

- + Bê tông nhựa C12,5 dày 6cm
- + Nhựa dính bám 0,5 Kg/m²
- + Bê tông nhựa C19 dày 7cm
- + Nhựa thấm bám 1Kg/m²
- + Cấp phối đá dăm loại I dày 15cm
- + Cấp phối đá dăm loại I dày 30cm

- Mặt đường tăng cường trên nền đường cũ gồm các lớp sau:

74

- + Bê tông nhựa C12,5 dày 6cm
- + Nhựa dính bám 0,5 Kg/m²
- + Bù vênh bê tông nhựa C12,5
- + Nhựa dính bám 0,5 Kg/m²

c. Các công trình an toàn giao thông: Bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông theo Điều lệ báo hiệu đường bộ Việt Nam QCVN 41: 2016/BGTVT. Biển báo dùng loại dán màng phản quang.

d. Đường gom: Bố trí đường gom để tăng cường an toàn giao thông. Quy mô đường gom Bn = 6,5m, Bm = 5,5m. Kết cấu gồm các lớp sau:

- Bê tông xi măng C20 dày 20cm.
- Lớp giấy dầu tạo phẳng.
- Cấp phối đá dăm loại I dày 15cm.
- Đắp vật liệu chọn lọc $K \geq 0,98$ dày 30cm.

đ. Nút giao: các nút giao được thiết kế giao bằng cùng mức đơn giản, tự điều khiển phân luồng giao thông bằng đảo tự điều chỉnh, bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông theo QCVN 41:2016/BGTVT.

e. Gia cố mái taluy

- Đối với những đoạn nền đắp bình thường mái taluy được trồng cỏ.
- Tại các đoạn nền đắp qua khu vực nước ngập thường xuyên, taluy gia cố bằng tấm bê tông cốt thép C16 đúc sẵn kích thước 40x40x6(cm), trên lớp vữa XM C12 dày 3cm.

g. Dải phân cách, cây xanh: Dải phân cách kết cấu bằng bê tông bên trong đắp đất màu và trồng cây xanh.

h. Hệ thống điện chiếu sáng: Hệ thống điện chiếu sáng được thiết kế theo tiêu chuẩn TCXDVN 259-2001 do Bộ Xây dựng Ban hành theo Quyết định số 28/2001/QĐ-BXD ngày 13/11/2001.

i. Phần công trình thoát nước

- Công thoát nước nhỏ và mương cải

+ Xây dựng các công hộp bằng Bê tông cốt thép và công tròn Bê tông ly tâm khẩu độ từ 0,8m đến 1,5m. Trên tuyến gồm: 01 công Ø0,8m; 03 công Ø1,20m; 01 công Ø1,50m; 02 công hộp (1,5x1,5)m.

+ Mương cải được thiết kế hợp lý phục vụ tưới tiêu bình thường.

- Công hộp lớn thoát nước ngang: Các công hộp lớn được thiết kế bằng BTCT, đặt trên móng cọc đóng BTCT 40x40cm, Trên tuyến gồm 02 công hộp (2,5x2,5)m, 01 công hộp (4,0x4,0)m, 05 công hộp (2x4x4)m, 01 công hộp (15x4x4)m và 01 công hộp (20x4x3)m.

- Công trình cầu:

+ Cầu được thiết kế theo tiêu chuẩn 22TCN 272 – 05; Cầu vĩnh cửu bằng BTCT DƯL và BTCT thường, tải trọng thiết kế: HL93, người 3KN/m², cầu



7

gồm hai đơn nguyên mỗi đơn nguyên rộng 8,5m cách nhau 3,5m. Tổng chiều rộng cầu Bcầu = 8,5 + 3,5 + 8,5 = 20,5m; tải trọng thiết kế HL93; tần suất thiết kế P=1%.

+ Kết cấu nhịp: Khẩu độ nhịp 24 - 33m. Kết cấu dầm I bằng BTCT DƯL.

+ Kết cấu móng, trụ: Mố trụ BTCT, móng cọc khoan nhồi BTCT D1200mm, D1500mm và móng cọc đóng BTCT 40x40cm.

TT	Tên cầu/ lý trình	Sơ đồ kết cấu	Chiều dài cầu (m)	Khổ cầu (m)	Kết cấu nhịp	Kết cấu móng
1	Cầu Cát Tiến Km2+671,106	3x24,0	81,511	20,50	I- DƯL	Móng cọc BTCT 40x40cm
2	Cầu Cát Chánh Km3+129,959	5x33,0	175,44	20,50	I- DƯL	Móng cọc khoan nhồi

5. Tổng mức đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Hạng mục chi phí	Theo Quyết định số 797/QĐ- UBND ngày 16/3/2016 của CT UBND tỉnh (Quy mô: Bn=10,75m, L= 18,2Km)	Tổng mức đầu tư điều chỉnh (Quy mô: Bn=20,5m, L= 4,0Km)
Chi phí xây dựng + thiết bị	771.111.000.000	576.649.753.000
Chi phí đền bù, GPMB	170.053.000.000	56.842.402.000
Chi phí quản lý dự án	7.290.000.000	6.704.864.000
Chi phí tư vấn ĐTXD	35.351.000.000	30.547.170.000
Chi phí khác	49.417.000.000	36.305.259.000
Chi phí dự phòng	249.701.000.000	62.434.907.000
Tổng cộng	1.282.923.000.000	769.484.355.000

6. Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng vốn ngân sách Nhà nước (bao gồm nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020 là 384,904 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác).

7. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

8. Thời gian thực hiện: 2016-2020.

9. Loại và cấp công trình: Công trình giao thông đường bộ, cấp II.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh.

ty

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /-7/ 11/13

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Phan Cao Thắng;
- CVP, PVPCN;
- Lưu: VT, K19 (M.16b). *ph*

CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Dũng

HÀNH
BÌNH